

Số: 754 /QĐ - BVCTCH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị

Thuộc dự toán: Mua thuốc năm 2017-2018

Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định 3377/QĐ-SYT ngày 17/5/2017 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-BVCTCH-KD ngày 28/11/2017 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt dự toán Các gói thầu mua thuốc năm 2017 –2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-SYT ngày 13/02/2018 của Giám đốc Sở Y tế về việc duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Bên mời thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ thẩm định Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 390/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ chuyên gia Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-BVCTCH-KD ngày 06/4/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu mua sắm thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BVCTCH ngày 22/6/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BVCTCH ngày 10/7/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc bổ sung Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-BVCTCH ngày 24/7/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Tờ trình Thẩm định ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bên mời thầu và bản Báo cáo thẩm định ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét đề nghị của Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình
2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
3. Nguồn vốn: Nguồn từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán) và nguồn thu hợp pháp khác
4. Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước



5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ

6. Tổng số nhà thầu trúng thầu: **06** nhà thầu

7. Tổng số mặt hàng trúng thầu: **56** mặt hàng

8. Tổng giá trị gói thầu trúng thầu: **20.354.100.712 đồng**

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu một trăm ngàn bảy trăm mười hai đồng)

9. Tên nhà thầu, tên hàng hóa và giá trúng thầu: *theo danh sách đính kèm*

10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chuyên gia Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình có trách nhiệm: đề xuất kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu và chuẩn bị nội dung chặt chẽ để hoàn thiện hợp đồng, hợp đồng phải đảm bảo chất lượng và phải chú ý đến các điều khoản chế tài trong thực hiện hợp đồng. Tham vấn cho Chủ đầu tư ký hợp đồng chính thức với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các phòng ban liên quan khác của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- P.TCKT bệnh viện;
- Kho bạc Nhà nước Quận 5;
- Lưu: VT, KD (10b).



Phan Quang Trí

DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
(danh mục đính kèm Quyết định số 754/QĐ-BVCTCH ngày 31/7/2018 của BVCTCH)

STT	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	1	45.843.600	Số 4, Lô A, đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM	02839 703 695
2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	2	43.088.500	18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM	0907 255 114
3	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	12	6.628.550.735	Số 18L1-2 VSIPII, đường số 3, KCN VSIP2, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	02838 125 848
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	37	13.237.210.827	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM	02838 323 009
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	3	344.723.050	Số 23, đường 17 - KDC Him Lam, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	0918 426 337
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	1	54.684.000	29 đường 52, cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM	02838 646 785
Tổng cộng: 06 nhà thầu		Tổng giá trị:	20.354.100.712		

GIÁM ĐỐC

Phan Quang Trí

0877

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC BIỆT ĐƯỢC GÓC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 754/QĐ-BVCTCH NGÀY 31/07/2018

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	1	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.761.489	53	358.358.917
2	2	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xứ: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstr. 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0,8ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 1 xy lanh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 2 vi x 1 xy lanh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.513.216	50	575.660.800
3	3	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Sanofi Winthrop Industries	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.048	10	300.480
4	4	Amoxicillin Sodium, Clavulanate Potassium (1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic)	Augmentin Inj 1.2g 10's	Augmentin Injection	VN-8713-09	1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic	Bột pha tiêm		Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Lọ	SmithKline Beecham plc	Anh	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	42.308	16.700	706.543.600
5	5	Ampicillin Sodium (1g Ampicillin), Sulbactam sodium (500mg Sulbactam)	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-12601-11	1g Ampicillin + 500mg Sulbactam	Bột pha tiêm	Lọ 1,5g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1,5g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	66.000	53.890	3.556.740.000
6	6	Atracurium besylate	Tracrium 25mg/2.5ml 5's	Tracrium	VN-18784-15	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Ống 2,5ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	GlaxoSmith Kline Manufacturing SpA	Ý	Hộp 5 ống 2,5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	46.146	200	9.229.200



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	7	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal	Đức, gói Áo	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.050	1.470	4.483.500
8	8	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	87.870	200	17.574.000
9	10	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Facta Farmaceutici SPA	Ý	H/1 vỉ x 12 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	13.892	3.300	45.843.600
10	11	Cefoperazone sodium, 1g Cefoperazon	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-13299-11	1g Cefoperazon	Bột pha tiêm	Lọ 1g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	125.700	4.870	612.159.000
11	12	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Fortum Inj. 1g 1's (Italy)	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm GlaxoSmithKline Manufacturings S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torricella (PR), Ý)	VN-20515-17	1g	Bột pha tiêm hay truyền	Lọ + ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống nước pha tiêm 3ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	75.600	6.200	468.720.000
12	13	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH, địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer pharmaceuticals LLC	Mỹ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.913	58.200	693.336.600

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
13	14	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg Cap B/30	Pradaxa	VN-16443-13	110 mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.388	2.900	88.125.200
14	15	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 75mg	Pradaxa 75mg Cap B/30	Pradaxa	VN-17271-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	30.388	340	10.331.920
15	16	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13	1,16g/100g gel	Gel bôi ngoài da	Tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	Novartis Consumer Health SA	Thụy Sĩ	Hộp 1 tuýp 20g	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	63.200	224	14.156.800
16	17	Diclofenac Sodium	Voltaren 50 Tab 50mg 10x10's	Voltaren 50	VN-13293-11	50mg	Viên nén không tan trong dạ dày		Uống	Uống	Novartis Saglik Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic.A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.477	18.930	65.819.610
17	18	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	18.066	12.980	234.496.680
18	19	Enoxaparin Natri (6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml)	Lovenox	Lovenox	QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	113.163	945	106.939.035
19	20	Epirubicin Hydrochloride	Farriorubicina Inj 10mg 1's	Farriorubicina	VN-20840-17	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống dung dịch pha tiêm 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm +1 ống dung môi 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	267.500	500	133.750.000
20	21	Epirubicin Hydrochloride	Farriorubicina Inj 50mg 1's	Farriorubicina	VN-20841-17	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ 50mg	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	845.300	140	118.342.000

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
21	22	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz Inj 1g 1's	Invanz	VN-20315-17	1g	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp		Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Laboratoire s Merck Sharp & Dohme - Chibret	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml chứa 1g bột	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	552.421	50	27.621.050
22	23	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	18.726	7.000	131.082.000
23	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	14.222	19.500	277.329.000
24	25	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	15.645	14.550	227.634.750

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
25	26	Floctafenin	IDARAC (SX THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A-FRANCE)		VD-22313-15	200mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	Hộp/ 2 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	3.150	10.740	33.831.000
26	27	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturinc Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldalle 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.316	56.000	633.696.000
27	31	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Tienam Inj 500mg 1's	Tienam (Đóng gói tại Laboratories Merck Sharp & Dohme-Chibret, địa chỉ Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, Pháp)	VN-20190-16	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Bột pha truyền tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Merck Sharp & Dohme Corp.	Mỹ	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	370.260	2.900	1.073.754.000
28	32	Infliximab	Remicade 100mg B/1	Remicade (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101, 2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền		Tiêm	Lọ	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ x100mg	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	11.818.800	50	590.940.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
29	33	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent 2,5mg + 0,5mg B/10	Combivent	VN-19797-16	0,5mg + 2,5mg	Dung dịch khí dung	Lọ 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 lọ x 2,5ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	16.074	700	11.251.800
30	34	Isoflurane	Forane Sol 250ml 1's	Forane	VN-20123-16	99,9% kl/kl	Dung dịch để hít	Lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Lọ	Aesica Queenborou gh Ltd	Anh	Lọ 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	1.124.100	154	173.111.400
31	35	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasma 1 B.Braun 10 % E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	146.685	170	24.936.450

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
						0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.											
32	36	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasma B.Braun 10% E	Aminoplasma 1 B.Braun 10 % E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g;	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	92.866	100	9.286.600

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KQ-5A2

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
						Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.											
33	37	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Aminoplasma I B.Braun 5% E	VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	115.000	2.700	310.500.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
		chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.				1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.											
34	38	Levobupivacaine hydrochloride	Chirocaine 5mg/ml Ampoule 10x10ml	Chirocaine (đóng gói tại Abbott SRL - Italy)	VN-12139-11	5mg/ml Levobupivacaine	Dung dịch tiêm	Ống 10 ml	Tiêm	Ống	Curida AS.	Na Uy	Hộp 10 ống x 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	120.000	3.000	360.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
35	39	Loxoprofen sodium hydrate	Japrolax Tab 60mg 20's	Japrolax	VN-15416-12	60mg loxoprofen sodium	Viên nén		Uống	Viên	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant. (Packing Company: OLIC (Thailand) Limited)	Nhật Bản	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.620	6.000	27.720.000
36	40	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj.100ml 10's	Lipidem	VN2-196-13	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	163.065	80	13.045.200
37	41	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil refined + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj. 250ml 10's	Lipidem	VN-20656-17	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	228.795	1.400	320.313.000
38	42	Methylprednisolone Hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylpredni solone	Bột vô khuẩn pha tiêm	Lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-Vial 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	75.710	480	36.340.800
39	43	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinate)	Solu-Medrol Inj 500mg 1's	Solu-Medrol	VN-20331-17	Methylpredni solone (dưới dạng Methylpredni solone natri succinate) 500mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 lọ dung môi 7,8 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	hộp 1 lọ bột đông khô + 1 lọ 7,8 ml dung môi pha tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	207.580	100	20.758.000
40	44	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Sus Sac 125mg/5 ml 10's	Zinnat Suspension	VN-20513-17	Mỗi gói 4,220g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxime axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Glaxo Operations UK Ltd	Anh	Hộp 10 gói x 4,220g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	15.022	240	3.605.280
41	45	Muối natri của acid Hyaluronic	Hyalgan inj. 20mg/2ml	Hyalgan	VN-11857-11	20mg/2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	Ống tiêm bơm đẩy sẵn 2ml	Tiêm	Ống	Fidia Farmaceutic i S.p.A	Ý	Hộp 1 ống tiêm bơm đẩy sẵn 2 ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	1.056.329	300	316.898.700

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
42	46	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.185	34.700	214.619.500
43	47	Paracetamol	Perfalgan		VN-19071-15	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Bristol-Myers Squibb S.r.l	Ý	Gói 12 lọ x 100ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	47.730	36.860	1.759.327.800
44	48	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Hộp 4 vi x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	17.685	9.000	159.165.000
45	49	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmith Kline Manufacturing SpA	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	27.708	5.300	146.852.400
46	50	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-13506-11	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	58.000	4.900	284.200.000
47	51	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon, d/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	Hameln Pharmaceutical GmbH	Đức	Hộp 10 lọ x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	104.450	900	94.005.000
48	52	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Ventolin Inhaler (CS đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd, địa chỉ: 1061 Mountain Highway, Boronia, 3155 Victoria, Australia)	VN-18791-15	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt 200 liều	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	76.379	10	763.790

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THUƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
49	53	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-11572-10; VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Dung dịch khí dung		Dùng cho máy khí dung	Ông	GlaxoSmith Kline Australia Pty Ltd	Úc	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.575	970	4.437.750
50	54	Sevoflurane	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-19755-16	100% v/v	Dung dịch hít	Lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Aesica Queenborough Limited	Anh	Hộp 1 lọ 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.578.600	240	858.864.000
51	55	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vi 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	14.790	40.100	593.079.000
52	56	Teicoplanin	Targosid	Targosid	VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	430.000	20	8.600.000
53	57	Thiocolchicoside	COLTRAMYL 4MG (SX NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A; PHÁP)		VD-22638-15	4mg	viên nén		Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	Hộp/ 1 vi x 12 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	4.025	2.300	9.257.500
54	58	Tocilizumab	Actemra Inj. 200mg/10ml	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Lọ 10ml	Tiêm truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd	Nhật	Hộp 1 lọ 10ml	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	6.748.140	350	2.361.849.000
55	59	Tramadol HCl + Paracetamol	Ultracet 37,5mg + 325mg Tab B/30	Ultracet	VN-16803-13	37,5mg + 325mg	Viên nén		Uống	Viên	Janssen Korea Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	7.999	170.000	1.359.830.000
56	60	Tranexamic Acid	Transamin Injection		VN-11004-10	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống 5ml	Olic (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Hộp 10 ống 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	14.700	3.720	54.684.000
TỔNG CỘNG																56	20.354.100.712

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Handwritten signature

Ngày Tháng Năm

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS.BS. Phan Quang Trí



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 754/QĐ-BVCTCH NGÀY 31/07/2018

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																
1	10	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Facta Pharmaceutics SPA	Ý	H/1 vi x 12 viên	13.892	3.300	45.843.600
TỔNG CỘNG														1		45.843.600
2 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN																
1	26	Floctafenin	IDARAC (SX THEO NHUỘNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A-FRANCE)		VD-22313-15	200mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	Hộp/ 2 vi x 10 viên	3.150	10.740	33.831.000
2	57	Thiocolchicoside	COLTRAMYL 4MG (SX NHUỘNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A; PHÁP)		VD-22638-15	4mg	viên nén		Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	Hộp/ 1 vi x 12 viên	4.025	2.300	9.257.500
TỔNG CỘNG														2		43.088.500
3 CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG																
1	3	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Sanofi Winthrop Industries	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	30.048	10	300.480
2	14	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg Cap B/30	Pradaxa	VN-16443-13	110 mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	30.388	2.900	88.125.200
3	15	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 75mg	Pradaxa 75mg Cap B/30	Pradaxa	VN-17271-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên nang cứng	30.388	340	10.331.920
4	16	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13	1,16g/100g gel	Gel bôi ngoài da	Tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	Novartis Consumer Health SA	Thụy Sĩ	Hộp 1 tuýp 20g	63.200	224	14.156.800

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	19	Enoxaparin Natri (6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml)	Lovenox	Lovenox	QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	113.163	945	106.939.035
6	32	Infliximab	Remicade 100mg B/1	Remicade (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101, 2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền		Tiêm	Lọ	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ x100mg	11.818.800	50	590.940.000
7	33	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent 2,5mg + 0,5mg B/10	Combivent	VN-19797-16	0,5mg + 2,5mg	Dung dịch khí dung	Lọ 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 lọ x 2,5ml	16.074	700	11.251.800
8	45	Muối natri của acid Hyaluronic	Hyalgan inj. 20mg/2ml	Hyalgan	VN-11857-11	20mg/2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	Ống tiêm bơm đầy sẵn 2ml	Tiêm	Ống	Fidia Farmaceutici S.p.A	Ý	Hộp 1 ống tiêm bơm đầy sẵn 2 ml	1.056.329	300	316.898.700
9	47	Paracetamol	Perfalgan		VN-19071-15	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Bristol-Myers Squibb S.r.l	Ý	Gói 12 lọ x 100ml	47.730	36.860	1.759.327.800
10	56	Teicoplanin	Targosid	Targosid	VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	430.000	20	8.600.000
11	58	Tocilizumab	Actemra Inj. 200mg/10ml	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Lọ 10ml	Tiêm truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd	Nhật	Hộp 1 lọ 10ml	6.748.140	350	2.361.849.000
12	59	Tramadol HCl + Paracetamol	Ultracet 37,5mg + 325mg Tab B/30	Ultracet	VN-16803-13	37,5mg + 325mg	Viên nén		Uống	Viên	Janssen Korea Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	7.999	170.000	1.359.830.000
TỔNG CỘNG															12	6.628.550.735
4 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																
1	1	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	6.761.489	53	358.358.917

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mỗi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	2	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xưởng: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstr. 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0.8ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 1 xy lanh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 2 vi x 1 xy lanh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	11.513.216	50	575.660.800
3	4	Amoxicillin Sodium, Clavulanate Potassium (1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic)	Augmentin Inj 1.2g 10's	Augmentin Injection	VN-8713-09	1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic	Bột pha tiêm		Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Lọ	SmithKline Beecham plc	Anh	Hộp 10 lọ	42.308	16.700	706.543.600
4	5	Ampicillin Sodium (1g Ampicillin), Sulbactam sodium (500mg Sulbactam)	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-12601-11	1g Ampicillin + 500mg Sulbactam	Bột pha tiêm	Lọ 1,5g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1,5g	66.000	53.890	3.556.740.000
5	6	Atracurium besylate	Tracrium 25mg/2.5ml 5's	Tracrium	VN-18784-15	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Ống 2,5ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	GlaxoSmith Kline Manufacturi ng SpA	Ý	Hộp 5 ống 2,5ml	46.146	200	9.229.200
6	7	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal	Đức, đóng gói Áo	Hộp 3 vi x 10 viên	3.050	1.470	4.483.500
7	8	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 ống x 1ml	87.870	200	17.574.000
8	11	Cefoperazone sodium, 1g Cefoperazon	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-13299-11	1g Cefoperazon	Bột pha tiêm	Lọ 1g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 1 lọ 1g	125.700	4.870	612.159.000
9	12	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Fortum Inj. 1g 1's (Italy)	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torricel (PR), Ý)	VN-20515-17	1g	Bột pha tiêm hay truyền	Lọ + ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	GlaxoSmith Kline Manufacturi ng SpA	Ý	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống nước pha tiêm 3ml	75.600	6.200	468.720.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	13	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH, địa chỉ: Heirich-Mack- Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer pharmaceuticals LLC	Mỹ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	11.913	58.200	693.336.600
11	17	Diclofenac Sodium	Voltaren 50 Tab 50mg 10x10's	Voltaren 50	VN-13293-11	50mg	Viên nén không tan trong dạ dày		Uống	Uống	Novartis Saglik Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic.A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3.477	18.930	65.819.610
12	18	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Lck Pharmaceut icals d.d.	Slovenia	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	18.066	12.980	234.496.680
13	20	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubicina Inj 10mg 1's	Farmorubicina	VN-20840-17	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 ống dung dịch pha tiêm 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm +1 ống dung môi 5ml	267.500	500	133.750.000
14	21	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubicina Inj 50mg 1's	Farmorubicina	VN-20841-17	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ 50mg	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bằng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	845.300	140	118.342.000
15	22	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz Inj 1g 1's	Invanz	VN-20315-17	1g	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp		Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Laboratoire s Merck Sharp & Dohme - Chibret	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml chứa 1g bột	552.421	50	27.621.050
16	23	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vỉ x 10 viên	18.726	7.000	131.082.000

Ull *Th*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
17	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vi x 10 viên	14.222	19.500	277.329.000
18	25	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 3 vi x 10 viên	15.645	14.550	227.634.750
19	27	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ	Hộp 10 vi x 10 viên	11.316	56.000	633.696.000
20	31	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Ticnam Inj 500mg 1's	Ticnam (Đóng gói tại Laboratories Merck Sharp & Dohme-Chibret, địa chỉ Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, Pháp)	VN-20190-16	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Bột pha truyền tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Merck Sharp & Dohme Corp.	Mỹ	Hộp 1 lọ	370.260	2.900	1.073.754.000
21	34	Isoflurane	Forane Sol 250ml 1's	Forane	VN-20123-16	99,9% kl/kl	Dung dịch dễ hít	Lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Lọ	Aesica Queenborough Ltd	Anh	Lọ 250ml	1.124.100	154	173.111.400

VIỆN
HUYỆN
THÀNH
HỒ CHÍ MINH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
22	38	Levobupivacaine hydrochloride	Chirocaine 5mg/ml Ampoule 10x10ml	Chirocaine (đóng gói tại Abbott SRL - Italy)	VN-12139-11	5mg/ml Levobupivacaine	Dung dịch tiêm	Ống 10 ml	Tiêm	Ống	Curida AS.	Na Uy	Hộp 10 ống x 10ml	120.000	3.000	360.000.000
23	39	Loxoprofen sodium hydrate	Japrolox Tab 60mg 20's	Japrolox	VN-15416-12	60mg loxoprofen sodium	Viên nén		Uống	Viên	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant. (Packing Company: OLIC (Thailand) Limited)	Nhật Bản	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén	4.620	6.000	27.720.000
24	40	Medium-chain Triglycerides + Soyabean oil + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj. 100ml 10's	Lipidem	VN2-196-13	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 100ml	163.065	80	13.045.200
25	41	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides + Soyabean oil refined + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj. 250ml 10's	Lipidem	VN-20656-17	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	228.795	1.400	320.313.000
26	42	Methylprednisolone Hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolone	Bột vô khuẩn pha tiêm	Lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-Vial 2ml	75.710	480	36.340.800
27	43	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinate)	Solu-Medrol Inj 500mg 1's	Solu-Medrol	VN-20331-17	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinate) 500mg	Bột đông khô pha tiêm	Lọ + 1 lọ dung môi 7,8 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	hộp 1 lọ bột đông khô + 1 lọ 7,8 ml dung môi pha tiêm	207.580	100	20.758.000
28	44	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	Zinnat Sus Sac 125mg/5 ml 10's	Zinnat Suspension	VN-20513-17	Mỗi gói 4,220g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Glaxo Operations UK Ltd	Anh	Hộp 10 gói x 4,220g	15.022	240	3.605.280
29	46	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vỉ x 10 viên	6.185	34.700	214.619.500

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
30	48	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Hộp 4 vỉ x 14 viên	17.685	9.000	159.165.000
31	49	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmith Kline Manufacturing SpA	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	27.708	5.300	146.852.400
32	50	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-13506-11	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 10 viên	58.000	4.900	284.200.000
33	51	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Vial 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon, đ/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	Hameln Pharmaceutical GmbH	Đức	Hộp 10 lọ x 5ml	104.450	900	94.005.000
34	52	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Ventolin Inhaler (CS đóng gói thử cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd, địa chỉ: 1061 Mountaint Highway, Boronia, 3155 Victoria, Australia)	VN-18791-15	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt 200 liều	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	76.379	10	763.790
35	53	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-11572-10; VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Dung dịch khí dung		Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty Ltd	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	4.575	970	4.437.750
36	54	Sevoflurane	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-19755-16	100% v/v	Dung dịch hít	Lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Aesica Queenborough Limited	Anh	Hộp 1 lọ 250ml	3.578.600	240	858.864.000
37	55	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vỉ 4 viên	14.790	40.100	593.079.000
TỔNG CỘNG															37	13.237.210.827
5 CÔNG TY TNHH DUỆC PHẨM TUỆ HẢI																
1	35	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasmal B.Braun 10% E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa:	Dung dịch truyền tĩnh	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen	Đức	Hộp 10 chai 500ml	146.685	170	24.936.450

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
		lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate				Isolucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate	mạch				AG					

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	36	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasma B.Braun 10% E	Aminoplasma B.Braun 10% E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	92.866	100	9.286.600

BỆNH VIỆN
CHẤN THƯƠNG
CHỈNH HÌNH
HỒ CHÍ MINH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
						0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.										
3	37	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Aminoplasmal B.Braun 5% E	VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	115.000	2.700	310.500.000

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
						0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.										
TỔNG CỘNG															3	344.723.050
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ															
1	60	Tranexamic Acid	Transamin Injection		VN-11004-10	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống 5ml	Olie (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Hộp 10 ống 5ml	14.700	3.720	54.684.000
TỔNG CỘNG															1	54.684.000

Số lượng sản phẩm trúng thầu : 56
Tổng trị giá trúng thầu : 20.354.100.712

Ngày Tháng Năm

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS.BS. Phan Quang Trí

